



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

03.11.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

HỖ TRỢ VẪN LÀ HỖ TRỢ CHO TỚI KHI NÓ BỊ PHÁ VỠ

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	371
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	88
Số cổ phiếu giảm giá	240
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	43

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	206
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	47
Số cổ phiếu giảm giá	104
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	55

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	348
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	111
Số cổ phiếu giảm giá	140
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	97

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	100,707.68	115,362.37	(14,654.69)
% KL toàn thị trường	9.95%	11.39%	
Giá trị	3,641,871	3,778,814	(136,943)
% GT toàn thị trường	12.35%	12.82%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	7,951.81	7,474.72	477.09
% KL toàn thị trường	9.95%	11.39%	
Giá trị	181,057	181,603	(546)
% GT toàn thị trường	6.30%	6.32%	

UPCOM

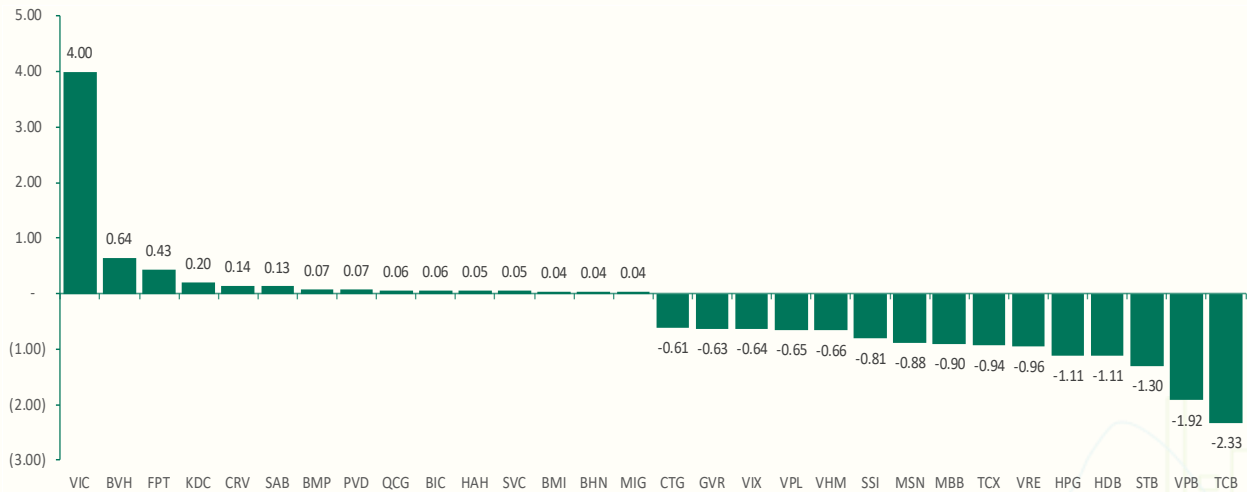
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	965.62	814.15	151.48
% KL toàn thị trường	3.00%	2.53%	
Giá trị	19,349	67,386	(48,037)
% GT toàn thị trường	2.69%	9.37%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	3,627,000	195,400	4,400 (2.3%)	83.68	4.68	2,335	758,245
2	VCB	2,800,100	59,300	-300 (-0.5%)	11.84	2.22	5,008	495,492
3	VHM	5,083,100	98,500	-700 (-0.71%)	15.74	1.72	6,259	404,580
4	BID	2,453,800	37,100	-300 (-0.8%)	9.54	1.55	3,890	260,493
5	CTG	5,620,800	48,500	-500 (-1.02%)	7.81	1.53	6,207	260,445
6	TCB	16,737,200	33,600	-1,500 (-4.27%)	10.79	1.33	3,113	238,098
7	VPB	23,165,800	27,600	-1,100 (-3.83%)	10.60	1.37	2,603	218,976
8	HPG	28,356,600	26,050	-650 (-2.43%)	12.08	1.57	2,157	199,946
9	MBB	29,961,200	23,100	-500 (-2.12%)	5.70	1.40	4,051	186,070
10	FPT	20,963,600	105,000	1,100 (1.06%)	17.54	4.18	5,988	178,868

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-1.12%	+37.23%	1,598
▼ Tài chính	-2.00%	+23.57%	105
► Tổ chức tín dụng	-1.85%	+23.19%	29
► Dịch vụ tài chính	-4.35%	+30.88%	63
► Bảo hiểm	+6.27%	+21.82%	13
► Bất động sản	-0.23%	+118.26%	134
▼ Công nghiệp	-1.11%	+30.46%	400
► Vận tải	-1.22%	+23.02%	117
► Hàng hóa công nghiệp	-0.96%	+45.71%	230
► Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	-0.58%	+37.54%	53
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+1.45%	+7.75%	168
► Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+1.47%	+8.08%	155
► Thương mại hàng thiết yếu	-0.06%	0%	9
► Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+0.06%	+3.42%	4
► Nguyên vật liệu	-1.83%	+11.74%	283
► Tiện ích	-0.78%	+4.41%	154
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-1.77%	+22.08%	188
► Thương mại hàng không thiết yếu	-1.90%	+22.48%	65
► Dịch vụ tiêu dùng	-1.81%	-2.08%	37
► Thời trang và hàng lâu bền	-1.15%	+57.85%	71
► Xe và linh kiện	-0.53%	-1.40%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-2.67%	-18.88%	41
► Dịch vụ viễn thông	-2.79%	-20.15%	18
► Truyền thông và giải trí	-0.67%	+11.83%	23
▼ Công nghệ thông tin	+0.73%	-10.22%	16
► Phần mềm và dịch vụ	+0.75%	-18.87%	9
► Phần cứng và thiết bị	-2.78%	+80.15%	7
► Năng lượng	-1.82%	-3.21%	53
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.15%	+7.89%	58
► Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.06%	+11.37%	47
► Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-1.11%	-29.81%	11

Hỗ trợ vẫn là hỗ trợ cho tới khi nó bị phá vỡ

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 22.65 điểm (- 1.38%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Bảo hiểm, tiện ích, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, phần mềm dịch vụ...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như BVH, PVI, PTL, MIG, BIC, BMI, MCH, SAB, KDC, FMC, FPT...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) BVH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 56 – Một Break out sẽ xác nhận xu hướng giảm giá trung hạn của cổ phiếu đã kết thúc;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) MIG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ PVD kết thúc chuỗi 5 sóng tăng và 3 sóng giảm ABC MIG đã có chuỗi tăng giá mạnh theo kiểu chữ V để kết thúc pha sóng giảm và hình thành chu kỳ tăng giá mới – Các NĐT nên chờ nhịp điều chỉnh sóng 2 với hỗ trợ quanh vùng giá 18 để có thể mở lệnh mua vào cổ phiếu này;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

(iii) MCH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MCH đang pha sóng 5 tăng giá với mục tiêu 196 – 204;
- ✓ MCH dự kiến chuyển sàn từ UPCoM sang HOSE trong **quý IV/2025 hoặc nửa đầu năm 2026 và với mức định giá hiện tại, khi chuyển sàn cổ phiếu có thể lọt vào rổ VN30;**
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(2) Dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông, thương mại hàng không thiết yếu, tổ chức tín dụng, nguyên vật liệu, năng lượng, vận tải, thời trang hàng lâu bền, hàng hóa công nghiệp...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VIX, TCX, VCI, SHS, VND, SSI, CTS, HCM, VGI, FOX, CTR, MWG, PNJ, HUT, FRT, PET,

VCB, BID, CTG, VPB, STB, SHB, MBB, VIB, HPG, GVR, DGC, MSR, DCM, DPM, DDV, CSV, DPR, BSR, PLX, PVS, PVT, ACV, VJC, HVN, VTP, PHP, VGT, TNG, TCM, GEE, VGC, VCG, CTD, DPG ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) vào vùng quá bán có thể xuất hiện phản ứng dò đáy;
- ✓ Hiện mô hình VIX đang bên sườn phải, thực sự rất khó xác định vùng đáy của cổ phiếu này để dò đáy. Trong ngắn hạn, vùng hỗ trợ MA(200) quanh vùng giá 20 có thể là một mốc quan sát đối với cổ phiếu này;
- ✓ Hiện đang là sóng 3 giảm giá và kháng cự cho sóng đối kháng 4 sẽ là 27 -28;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(ii) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng;
- ✓ SSI đang trong sóng 3 giảm giá với mục tiêu 28 – 31. Kháng cự cho sóng hồi 4 là vùng giá 35 – 36. Và mục tiêu giá sóng 5 nằm trong vùng 25 – 28. Về cơ bản vùng giá 28 cũng là vùng định giá hợp lý của cổ phiếu SSI;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iii) MWG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MWG đang trong pha tái tích lũy sóng 4 với hỗ trợ quanh 77 – 80;
- ✓ MWG đang Bắc Tiến với việc mở chuỗi bách hóa xanh tại tỉnh Hưng Yên mới (Khu vực Thái Bình cũ) và kỳ vọng mỗi năm có thể mở mới 1000 cửa hàng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(ii) VPB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ của khối lượng;
- ✓ VPB đang trong vùng giá mục tiêu hỗ trợ sóng 4 là 25 – 28;
- ✓ Một phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều ở đáy đang hình thành – NĐT nên quan sát khả năng hình thành đáy của cổ phiếu này;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Vùng 1,600 điểm có nguy cơ bị phá vỡ

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch tăng là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 164 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, ACB, VJC, HAH, PVD, VPB, CII, GMD, VSC, VIC... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIX, MBB, STB, VRE, HDB, HPG, SSI, VCG, SHB, MCH...Hôm nay, tự doanh, tổ chức trong nước và cá nhân nước ngoài đóng vai trò là người mua ròng còn tổ chức nước ngoài và NĐT cá nhân trong nước đóng vai trò là người bán ròng.

(ii) VN-Index hiện tại đang thử thách ngưỡng hỗ trợ 1,600 điểm lần thứ 6 (Về nguyên tắc kỹ thuật một vùng hỗ trợ càng thử thách nhiều lần thì sức mạnh của nó sẽ yếu đi do vậy, chiến thuật mua hỗ trợ lúc này cần thận trọng hơn). Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống cũng là tín hiệu tiêu cực. Điểm sáng có thể kỳ vọng ngưỡng hỗ trợ này có thể giữ vững là: (a) Nhóm ngành chứng khoán đang bị bán rất mạnh và bắt đầu vào vùng quá bán, chúng ta có thể hy vọng xuất hiện câu dò đáy để chặn đà giảm hình thành sóng đối kháng ngắn hạn của nhóm này. (b) Các nhóm dòng khác như bảo hiểm, thép, hay nhóm cổ phiếu có yếu tố kinh doanh tốt như HAH, BMP, IDC, SIP, PVD...vẫn giao dịch khá tốt trong bối cảnh áp lực bán mạnh của thị trường (Chỉ giảm nhiệt vào cuối phiên giao dịch khi hiện tượng bán lúc ATC xuất hiện).

Các cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh là: MIG, BMII, BVH, PVI, MCH...

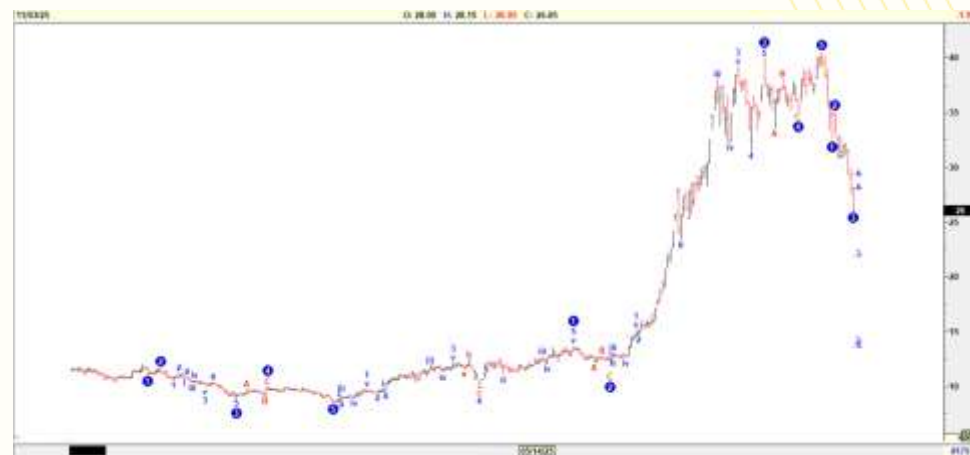
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 04 mã cho tín hiệu mua, 07 mã cho tín hiệu bán, 19 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã FPT, MSN, BVH, SAB...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 54% và 40.28% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 3. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VIX



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	560.05	564.91	555.2	NO	570.46	590.57	600.98	621.09	539.94	529.53	509.42	499.01
HNXINDEX	261.86	263.2	260.52	NO	264.86	270.54	273.54	279.22	256.18	253.18	247.5	244.5
UPINDEX	114.54	114.49	114.58	YES	115.62	116.62	117.7	118.7	113.54	112.46	111.46	110.38
VN30	1872.83	1880.43	1865.24	NO	1888.02	1918.4	1933.59	1963.97	1842.45	1827.26	1796.88	1781.69
VNINDEX	1628.83	1634.74	1622.91	NO	1640.65	1664.31	1676.13	1699.79	1605.17	1593.35	1569.69	1557.87
VNXALL	2796.12	2807.54	2784.69	NO	2822.22	2871.17	2897.27	2946.22	2747.17	2721.07	2672.12	2646.02
VN30FIM	1876.7	1885.05	1868.35	NO	1898.3	1936.6	1958.2	1996.5	1838.4	1816.8	1778.5	1756.9
VN30FIQ	1874.7	1882.05	1867.35	NO	1889.4	1918.8	1933.5	1962.9	1845.3	1830.6	1801.2	1786.5
VN30F2M	1876.9	1885.35	1868.45	NO	1893.8	1927.6	1944.5	1978.3	1843.1	1826.2	1792.4	1775.5
VN30F2Q	1874.2	1881.9	1866.5	NO	1889.6	1920.4	1935.8	1966.6	1843.4	1828	1797.2	1781.8
BCM	65.67	65.5	65.83	NO	66.53	67.07	67.93	68.47	65.13	64.27	63.73	62.87
BID	37.33	37.45	37.22	NO	37.57	38.03	38.27	38.73	36.87	36.63	36.17	35.93
ACB	25.55	25.6	25.5	NO	25.8	26.15	26.4	26.75	25.2	24.95	24.6	24.35
CTG	48.87	49.05	48.68	NO	49.23	49.97	50.33	51.07	48.13	47.77	47.03	46.67
BVH	53.17	52.6	53.73	NO	55.43	56.57	58.83	59.97	52.03	49.77	48.63	46.37
GAS	61.97	62.2	61.73	NO	62.43	63.37	63.83	64.77	61.03	60.57	59.63	59.17
FPT	104.93	104.9	104.97	YES	106.37	107.73	109.17	110.53	103.57	102.13	100.77	99.33
GVR	28.72	28.9	28.53	NO	29.08	29.82	30.18	30.92	27.98	27.62	26.88	26.52
HDB	31.05	31.3	30.8	NO	31.6	32.65	33.2	34.25	30	29.45	28.4	27.85
HPG	26.33	26.47	26.19	NO	26.62	27.18	27.47	28.03	25.77	25.48	24.92	24.63
LPB	51.13	51.35	50.92	NO	52.07	53.43	54.37	55.73	49.77	48.83	47.47	46.53
MBB	23.4	23.55	23.25	NO	23.7	24.3	24.6	25.2	22.8	22.5	21.9	21.6
MSN	77.93	78.4	77.47	NO	78.87	80.73	81.67	83.53	76.07	75.13	73.27	72.33
MWG	81.77	82.15	81.38	NO	82.53	84.07	84.83	86.37	80.23	79.47	77.93	77.17
PLX	34.53	34.65	34.42	NO	34.77	35.23	35.47	35.93	34.07	33.83	33.37	33.13
SAB	46.23	46.2	46.27	YES	46.72	47.13	47.62	48.03	45.82	45.33	44.92	44.43
SSB	17.6	17.52	17.68	NO	17.9	18.05	18.35	18.5	17.45	17.15	17	16.7
SHB	16.1	16.17	16.03	NO	16.25	16.55	16.7	17	15.8	15.65	15.35	15.2
SSI	33.18	33.53	32.84	NO	33.87	35.23	35.92	37.28	31.82	31.13	29.77	29.08
TCB	34.23	34.55	33.92	NO	34.87	36.13	36.77	38.03	32.97	32.33	31.07	30.43
STB	53.47	54.05	52.88	NO	54.63	56.97	58.13	60.47	51.13	49.97	47.63	46.47
TPB	16.87	16.97	16.76	NO	17.08	17.52	17.73	18.17	16.43	16.22	15.78	15.57
VHM	99.23	99.6	98.87	NO	100.67	102.83	104.27	106.43	97.07	95.63	93.47	92.03
VCB	59.63	59.8	59.47	NO	59.97	60.63	60.97	61.63	58.97	58.63	57.97	57.63
VIB	18.5	18.58	18.42	NO	18.65	18.95	19.1	19.4	18.2	18.05	17.75	17.6
VIC	193.63	192.75	194.52	NO	201.27	207.13	214.77	220.63	187.77	180.13	174.27	166.63
VJC	185.5	186.5	184.5	NO	187.9	192.3	194.7	199.1	181.1	178.7	174.3	171.9
VPB	28.08	28.33	27.84	NO	28.57	29.53	30.02	30.98	27.12	26.63	25.67	25.18
VRE	32.17	32.58	31.76	NO	32.98	34.62	35.43	37.07	30.53	29.72	28.08	27.27
VNM	57.63	57.8	57.47	NO	57.97	58.63	58.97	59.63	56.97	56.63	55.97	55.63

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
PVD	15,946,200	4,496,400	355	2.31
LDG	8,538,000	2,784,970	307	1.68
DCL	2,706,100	1,136,080	238	6.53
HHP	2,563,400	818,110	313.33	6.7
BMI	2,276,300	337,000	675	6.62
HID	1,961,000	541,990	362	6.92
MIG	1,702,100	514,970	330.52	4.44
TVC	1,701,800	834,330	204	-1.74
FIT	1,635,500	751,220	218	0
NAG	1,611,100	768,950	209.52	-9.57
ACV	1,495,400	738,980	202	-0.36
QCG	1,477,500	672,730	220	6.79
MCH	1,311,000	430,380	305	9.66
HII	974,300	183,630	531	0.76
BVH	877,500	342,060	256.53	6.89
MHC	867,800	259,040	335	-6.99
MBG	833,200	295,680	282	-8.33
IVS	765,600	172,690	443	2.33
MSH	718,800	277,410	259	0.52
TSC	608,100	296,800	204.89	0.33
BIC	579,800	93,100	623	4.94
PVI	408,900	54,750	747	9.61
TTA	339,600	141,330	240	0
CTX	338,100	106,570	317	-10.92
BTH	272,300	66,630	408.67	3.31
HAP	254,000	70,030	363	0.15
TDP	244,300	115,810	211	1.74
SBB	232,900	8,630	2,699	2.94
KHP	215,200	91,630	235	0
HNI	200,000	5,650	3,540	-5.36
TDG	196,700	86,810	227	-2.85
TA9	169,300	15,470	1,094	-4.88
TNT	162,200	35,140	462	2.73
KDM	149,300	7,800	1,914	9.93
CLX	147,600	69,200	213	0.62
C32	128,300	15,770	814	0.75
FUEMAV30	126,500	9,060	1,396	-2.33
DTI	126,400	51,170	247	8.7
NTC	125,000	31,010	403	-2.09
ASP	119,900	36,460	329	3.99

- Lưu ý: PVD, LDG...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
23-Oct	HAH	Mua	≤ 59.5	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành/Nên mua khi có giá giảm

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Trong tuần từ 27/10 - 31/10, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng – giảm nhẹ. Chốt ngày 31/10, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 25.093 VND/USD, giảm 05 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.889 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết mức ở mức 26.297 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Tỷ giá LNH trong tuần từ 27/10 - 31/10 tăng – giảm đan xen qua các phiên. Kết thúc phiên 31/10, tỷ giá LNH đóng cửa tại 26.307 VND/USD, tăng nhẹ 04 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do tuần qua tiếp tục tăng. Chốt phiên 31/10, tỷ giá tự do tăng mạnh 280 đồng ở chiều mua vào và 230 đồng ở chiều bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 27.800 VND/USD và 27.850 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Tuần từ 27/10 - 31/10, lãi suất VND LNH các kỳ hạn từ 1M trở xuống giảm khá mạnh mặc dù đã tăng ở phiên cuối tuần. Kết thúc ngày 31/10, lãi suất VND LNH giao dịch ở mức: ON 4,58% (-1,28 đpt); 1W 5,05% (-0,83 đpt); 2W 5,28% (-0,62 đpt); 1M 5,65% (-0,15 đpt). Lãi suất USD LNH biến động tăng – giảm khá mạnh ở tất cả các kỳ hạn qua các phiên trong tuần qua. Chốt phiên 31/10, lãi suất USD LNH giao dịch tại: ON 4,03% (-0,09 đpt); 1W 4,08% (-0,07 đpt); 2W 4,12% (-0,07 đpt) và 1M 4,14% (-0,08 đpt).
- Thị trường mở:** Trên thị trường mở tuần qua từ 27/10 - 31/10, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu 46.000 tỷ đồng với các kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày, 28 ngày và 91 ngày, lãi suất đều giữ ở mức 4,0%. Có 38.509,28 tỷ đồng trúng thầu. Có 37.654,70 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần qua. Như vậy, tuần qua, NHNN bơm ròng 854,58 tỷ đồng ra thị trường qua kênh thị trường mở. Có 224.337,66 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 29/10, KBNN đấu thầu thành công 6.157 tỷ đồng/16.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 38,5%. Trong đó, kỳ hạn 5Y trúng thầu 677 tỷ đồng/5.000 tỷ đồng gọi thầu, 10Y trúng thầu 5.150 tỷ đồng/9.000 tỷ đồng gọi thầu và 15Y trúng thầu 330 tỷ đồng/1.500 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 30Y gọi thầu 500 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 5Y là 3,14% (không thay đổi so với phiên đấu thầu trước), 10Y là 3,80% (+0,03 đpt), 15Y là 3,85% (+0,03 đpt). Ngày 05/11, KBNN dự kiến chào thầu 13.000 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10Y chào thầu 8.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15Y chào thầu 1.500 tỷ đồng và kỳ hạn 30Y chào thầu 500 tỷ đồng. Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 12.987 tỷ đồng/phiên, giảm mạnh từ mức 18.039 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Lợi suất TPCP trong tuần qua tăng ở các kỳ hạn từ 7Y trở lên trong khi giữ nguyên ở các kỳ hạn còn lại. Chốt phiên 31/10, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 2,79% (không đổi); 2Y 2,84% (không đổi); 3Y 2,91% (không đổi); 5Y 3,16% (không đổi); 7Y 3,42% (+0,001 đpt); 10Y 3,82% (+0,03 đpt); 15Y 3,89% (+0,03 đpt); 30Y 3,96% (+0,05 đpt).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

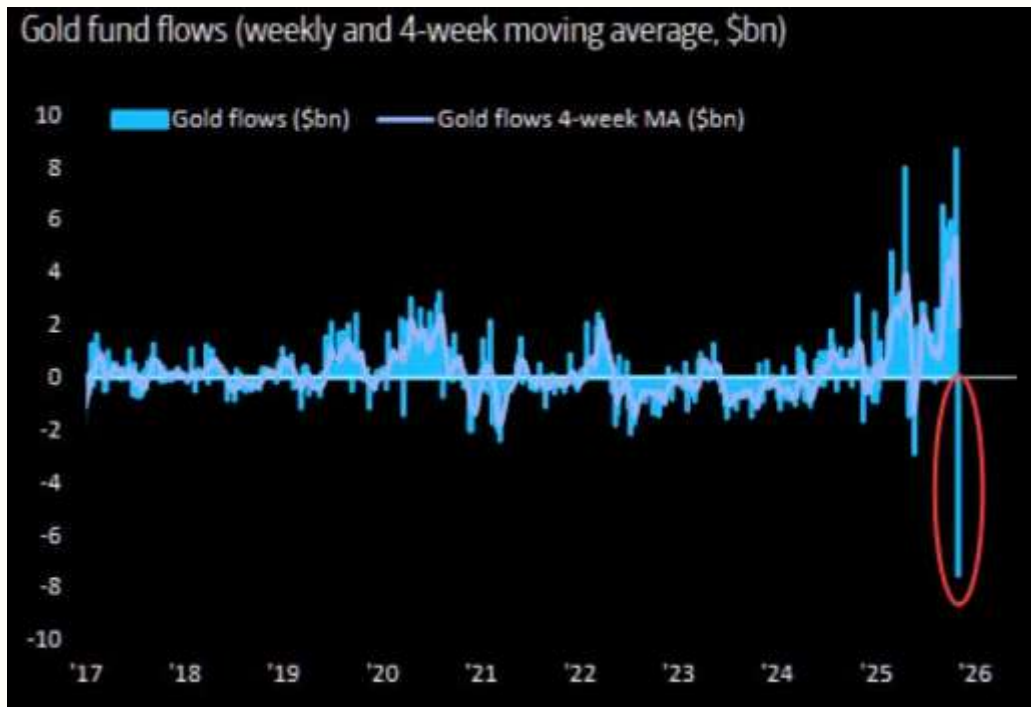
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

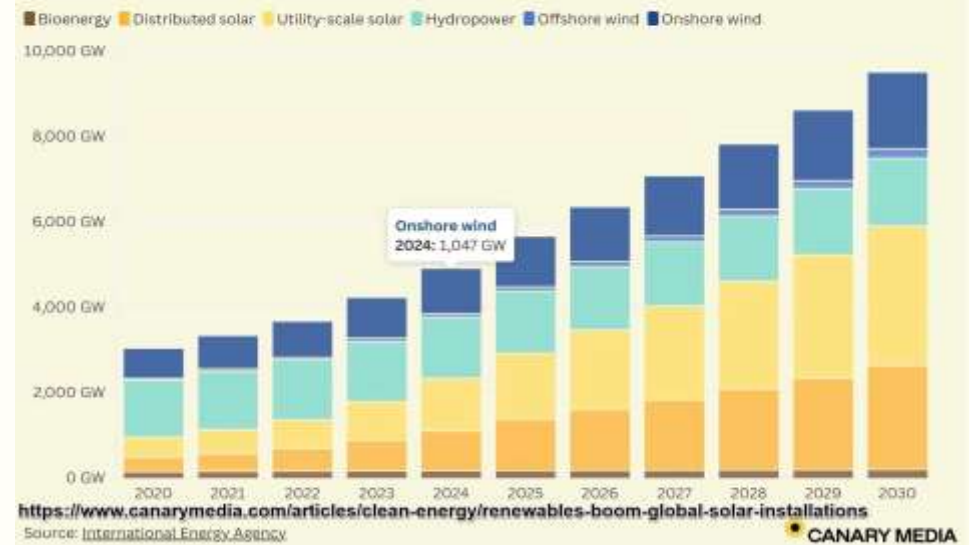
Dòng tiền có tuần rút khỏi vàng lớn nhất trong nhiều năm



Năng lượng tái tạo sẽ tiếp tục bùng nổ trong giai đoạn tới

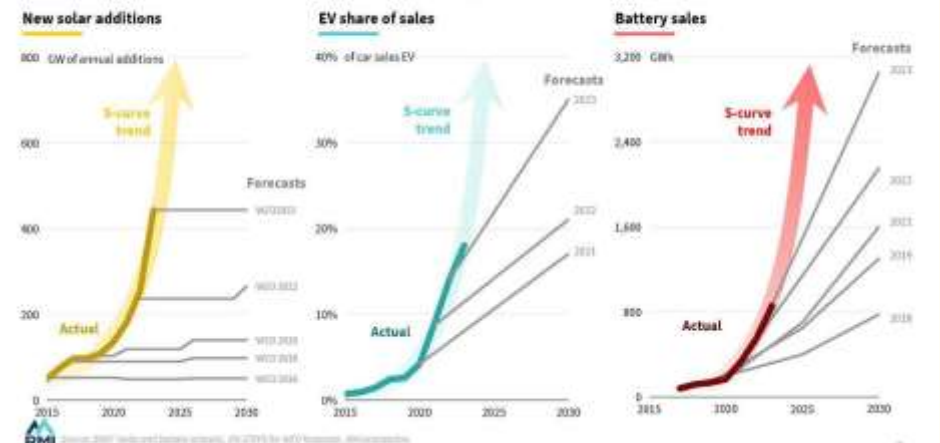
The renewables boom is just getting started

Cumulative renewable-energy capacity, in gigawatts



Incumbents have underestimated the speed of change

Even neutral actors modeled in linear terms. But change has been exponential



Nhóm vốn hóa lớn bắt đầu phân hóa (Có cổ phiếu vượt đỉnh – Có cổ phiếu phá đáy)

AMZN vừa thiết lập một Break out – Xu hướng tăng giá vẫn mạnh mẽ



TESLA đang hướng tới mức cao mới mọi thời đại – Tín hiệu tích cực



Meta đã xuống thấp hơn hỗ trợ động MA(200) – Tín hiệu tiêu cực



Xu hướng giằng co của S&P 500 ở trên vùng giá cao – Tín hiệu không rõ ràng



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giao dịch giằng co vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

